

## Chương V

# MÔI TRƯỜNG VÙNG NÚI. HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA CON NGƯỜI Ở VÙNG NÚI

### Bài 23.

## MÔI TRƯỜNG VÙNG NÚI

### I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

#### 1. Về kiến thức

HS cần :

– Nắm được những đặc điểm cơ bản của môi trường vùng núi (càng lên cao không khí càng lạnh và càng loãng, thực vật phân tầng theo độ cao).

– Biết được cách cư trú khác nhau của con người ở các vùng núi trên thế giới.

#### 2. Về kĩ năng

– HS rèn luyện kĩ năng đọc, phân tích ảnh địa lí và cách đọc lát cắt một ngọn núi.

### II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Môi trường vùng núi là môi trường phi địa đới. Khi giảng bài này, GV phải làm rõ cho HS hiểu cảnh quan môi trường vùng núi phụ thuộc vào độ cao.

2. Môi trường vùng núi là môi trường chịu tác động lâu dài của các hoạt động nội lực và ngoại lực. Từ khi có con người và nhất là ngày nay, các hoạt động kinh tế đã làm biến đổi rất nhanh chóng môi trường vùng núi, làm gia tăng tác động của ngoại lực đến địa hình vùng đồi núi, gây ra các hiện tượng lũ quét, trượt đất, lở đất, nứt đất, núi lở... Qua bài dạy về môi trường vùng núi, GV cần giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho HS, nhất là những HS ở vùng núi.

3. Đối với các trường ở vùng đồi núi, GV có thể đưa HS ra dạy ở thực địa. HS tự đúc kết được những kiến thức của bài giảng dưới sự hướng dẫn của GV.

4. Với mục đích luyện tập kĩ năng đọc, so sánh và phân tích lát cắt cho HS, bài này đưa ra 2 lát cắt với 2 cách thể hiện khác nhau thường được sử dụng.

5. Trọng tâm bài học : Mục 1. Bài tập trọng điểm : Bài tập 2.

### III – CÁC PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CẦN THIẾT

– Ảnh chụp phong cảnh các vùng núi ở nước ta (Sa-pa, Đà Lạt, Tam Đảo) và các nước khác... do GV sưu tầm từ tạp chí hay lịch.

– Bản đồ Tự nhiên thế giới.

### IV – GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI MỚI

#### 1. Lời giới thiệu

Giới thiệu những nét khác biệt của vùng núi so với vùng đồng bằng : thực vật biến đổi theo độ cao và càng lên cao không khí càng lạnh, càng loãng.

#### 2. Gợi ý dạy mục 1

*Bước 1* : GV cùng HS ôn lại các nhân tố ảnh hưởng đến khí hậu đã học ở lớp 6 (vĩ độ, độ cao, vị trí gần hay xa biển), trong đó nhấn mạnh đến nhân tố độ cao sẽ học trong bài này. GV cung cấp cụ thể thêm về sự thay đổi theo độ cao của nhiệt độ, của độ loãng không khí, giới hạn băng tuyết núi cao.

*Bước 2* : Sau khi giới thiệu cách đọc lát cắt, GV yêu cầu HS quan sát lát cắt núi An-pơ và lần lượt tìm hiểu :

– Cây cối phân bố từ chân núi đến đỉnh núi như thế nào ? (thành các vành đai).

– Vì sao cây cối lại biến đổi theo độ cao ? (càng lên cao càng lạnh).

Khi đặt câu hỏi để tìm hiểu lát cắt, GV yêu cầu HS vận dụng kiến thức đã học của bài "Lớp vỏ khí" ở lớp 6 để lí giải các câu hỏi nêu ra. Sau đó, GV rút ra đặc điểm phân tầng theo độ cao.

GV yêu cầu HS cho biết trong vùng núi Anpơ, từ chân đến đỉnh núi có mấy vành đai thực vật (rừng lá rộng lên cao đến 900m, rừng lá kim từ 900m – 2.200m, đồng cỏ từ 2.200m – 3.000m, trên 3.000m là tuyết).

GV hướng dẫn HS đọc ảnh 23.1 :

– Ảnh 23.1 là cảnh vùng núi Nê-pan ở sườn nam dãy Hi-ma-lay-a ở đới nóng châu Á. Toàn cảnh cho thấy các bụi cây lùn thấp, hoa đỏ. Phía xa là tuyết phủ trắng các đỉnh núi cao.

– Nhận xét : Trên đỉnh núi chỉ có tuyết phủ trắng, không còn cây cối như ở sườn núi.

Cuối cùng, GV yêu cầu HS xem hình 23.3 để nhận biết sự khác nhau giữa phân tầng thực vật theo độ cao của đới nóng với đới ôn hoà.

GV cho HS so sánh độ cao của từng vành đai tương tự giữa 2 đới :

- Độ cao của rừng lá rộng đới ôn hoà với rừng cận nhiệt trên núi ở đới nóng.
- Độ cao của rừng hỗn giao đới ôn hoà với rừng hỗn giao đới nóng.
- Độ cao của rừng lá kim ở đới ôn hoà với rừng lá kim trên núi cao của đới nóng.
- Độ cao của đồng cỏ núi cao đới ôn hoà với đồng cỏ núi cao đới nóng.

Từ nhận xét của HS, GV nêu bật hai điểm khác nhau giữa phân tầng thực vật theo độ cao ở đới ôn hoà với ở đới nóng :

- Các tầng thực vật ở đới nóng nằm ở độ cao lớn hơn ở đới ôn hoà.
- Đới nóng có vành đai rừng rậm mà đới ôn hoà không có.

*Bước 3* : Cho HS xem lát cắt phân tầng độ cao núi An-pơ (hình 23.2) và nhận xét :

- Sự khác nhau về phân bố cây cối giữa sườn đón nắng và sườn khuất nắng ở đới ôn hoà (các vành đai cây cối ở sườn đón nắng nằm cao hơn ở sườn khuất nắng).

- Vì sao các vành đai thực vật ở sườn đón nắng nằm cao hơn ở sườn khuất nắng ? (sườn đón nắng ẩm hơn sườn khuất nắng).

Cuối cùng, GV nêu rõ :

- Ở những sườn núi đón nắng, các vành đai thực vật nằm cao hơn phía sườn khuất nắng vì khí hậu ẩm áp hơn.

- Ở những sườn đón gió (ẩm hơn, ẩm hoặc mát hơn), thực vật đa dạng, phong phú hơn ở bên sườn khuất gió (khô hơn, nóng hoặc lạnh hơn).

*Bước 4* : GV yêu cầu HS chia nhóm để chuẩn bị ý kiến về ảnh hưởng của độ dốc đến tự nhiên, kinh tế vùng núi.

GV hướng dẫn HS tìm hiểu về ảnh hưởng của độ dốc :

- Ảnh hưởng đến lũ trên các sông suối trong vùng núi (nước trôi nhanh xuống sông suối, nếu không có cây cối che phủ sườn núi thì rất dễ gây lũ quét, lở đất...).

- Ảnh hưởng đến giao thông, đi lại và hoạt động kinh tế trong vùng núi (núi cao, suối sâu...).

Từ đó, GV nêu bật :

- Những đặc điểm cơ bản của vùng núi (càng lên cao không khí càng lạnh và càng loãng → thiếu ôxi, thực vật thay đổi theo độ cao).

– Ảnh hưởng của sườn núi (hướng và độ dốc của sườn núi) đối với môi trường vùng núi.

### 3. Gợi ý dạy mục 2

*Bước 1* : GV đặt câu hỏi : Nêu đặc điểm chung nhất của các dân tộc sống ở vùng núi nước ta.

Đối với các tỉnh có vùng núi, GV có thể hỏi cụ thể : Ở vùng núi của tỉnh ta có những dân tộc nào sinh sống ? Họ sống ở trên núi cao, lưng chừng núi hay chân núi ?

Từ các câu trả lời của HS, GV cho HS nhận xét về cư dân các vùng núi :

- Vùng núi là địa bàn cư trú của các dân tộc ít người.
- Vùng núi có dân cư thưa thớt (hơn ở đồng bằng).
- Địa bàn cư trú của con người ở vùng núi phụ thuộc vào địa hình (nơi có mặt bằng để canh tác, chăn nuôi), vào khí hậu (mát mẻ, trong lành), vào nguồn tài nguyên rừng, nguồn nước...

*Bước 2* : GV minh họa thêm về nơi cư trú ở một số vùng núi trên thế giới :

– Các dân tộc châu Á, châu Phi nhiệt đới trồng lúa nước : sinh sống ở chân núi hay trong thung lũng mát mẻ, có đủ nước canh tác, nhất là ở các sườn núi đón gió, nhiều mưa.

– Các dân tộc Nam Mỹ : sống ở độ cao khoảng 3.000m là nơi có nhiều mặt bằng rộng lớn để trồng trọt và chăn nuôi, có khí hậu mát mẻ.

– Các dân tộc châu Âu : sống ở chân núi đón nắng vừa có thể canh tác ở chân núi, vừa chăn nuôi trên đồng cỏ núi cao.

– Các dân tộc vùng Sừng châu Phi : sống ở các vùng núi cao chắn gió có nhiều mưa và có khí hậu trong lành.

## V – GỢI Ý TRẢ LỜI CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP CUỐI BÀI

**Câu hỏi 1** yêu cầu HS trình bày được 2 ý :

– Sự thay đổi của thực vật theo độ cao : các vành đai thực vật thay đổi giống như khi ta đi từ xích đạo về cực : rừng rậm nhiệt đới, rừng lá rộng, rừng hỗn giao, rừng lá kim, đồng cỏ núi cao, tuyết vĩnh cửu.

– Độ cao của vành đai thực vật khác nhau giữa 2 sườn một ngọn núi : tùy thuộc vào sườn đón nắng hay sườn khuất nắng, tùy thuộc vào sườn đón gió hay sườn khuất gió.

**Bài tập 2** luyện tập cho HS cách đọc 2 lát cắt phân tầng độ cao ở đới nóng và đới ôn hoà. Cách trình bày lát cắt ở bài tập này theo lối vẽ Lập thể, chỉ vẽ 1/2 núi, ghép 2 nửa khác nhau vào làm một ngọn núi.

Với bài tập này, HS phải so sánh và trả lời 2 yêu cầu của câu hỏi :

- Xác định số lượng vành đai thực vật ở đới nóng (6 vành đai) và ở đới lạnh (5 vành đai).

- Giải thích tại sao cùng độ cao, nhưng vùng núi ở đới nóng có nhiều vành đai thực vật hơn vùng núi ở đới lạnh (đới nóng có thêm vành đai rừng rậm nhiệt đới mà đới ôn hoà không có).